TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 35/2019/DS-GĐT
Ngày 02-12-2019
V/v tranh chấp di sản thừa kế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

***- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có*:** 15 thành viên tham gia xét xử, do ông Nguyễn Hòa Bình - Chánh án Tòa án nhân dân tối cao làm chủ tọa phiên tòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Dương - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 02 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự "*Tranh chấp di sản thừa kế*" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Phạm Đỗ Nhật T, sinh năm 1957; cư trú tại: Số 9 ngõ 173/63 đường HHT, quận BĐ, thành phố Hà Nội;

1.2. Bà Phạm Thị Kim O, sinh năm 1944; cư trú tại: P1001 tầng 10, tháp A-D2, phường GV, quận BĐ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Kim O: Chị Phạm Vân A, sinh năm 1969 (Văn bản ủy quyền ngày 10/02/2015);

1.3. Bà Phạm Thị Kim N, sinh năm 1946; cư trú tại: Số 7 ngõ 19 đường LG, quận BĐ, thành phố Hà Nội;

1.4. Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1956; cư trú tại: Số 25 HB, quận HK, thành phố Hà Nội;

1.5. Bà Phạm Thị Kim Th, sinh năm 1955; cư trú tại: Cộng hòa Liên bang Đức;

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Kim Th: Ông Phạm Đỗ Nhật T (Văn bản ủy quyền ngày 10/02/2015).

2. Bị đơn: Ông Phạm Đỗ Nhật B, sinh năm 1963; cư trú tại: Số 12 HB, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Đỗ Nhật B: Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1990 (Văn bản ủy quyền ngày 25/10/2017).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Hồng H1, sinh năm 1961;

3.2. Chị Phạm Đỗ Hồng L, sinh năm 1987;

3.3. Anh Phạm Đỗ Nhật Tr, sinh năm 1992;

Cùng cư trú tại: Số 12 HB, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hồng H1, chị Phạm Đỗ Hồng L, anh Phạm Đỗ Nhật Tr: Ông Phạm Đỗ Nhật B (Văn bản ủy quyền ngày 22/12/2014).

3.4. Ủy ban nhân dân quận HK, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận HK: Bà Trịnh Thị Minh Ph, Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận HK (Văn bản ủy quyền ngày 27/11/2017).

3.5. Ủy ban nhân dân quận BĐ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận BĐ: Ông Nguyễn Phong C, Phó Chủ tịch.

3.6. Văn phòng Công chứng TH; trụ sở: Số 148 TH, phường TL, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Văn phòng Công chứng TH: Ông Nguyễn Việt C1, Trưởng Văn phòng.

3.7. Công ty TNHH phát triển QT Việt Nam (Viettincom); trụ sở: Số 7 ngõ 19 đường LG, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH phát triển QT Việt Nam: Ông Đoàn Anh T, Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/8/2014, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/10/2015 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Phạm Đỗ Nhật T trình bày:

Cụ Phạm Đỗ Ng (sinh năm 1920, chết năm 2010) kết hôn với cụ Nguyễn Thị A1 (sinh năm 1925, chết năm 1957) có hai con chung là bà Phạm Thị Kim O, bà Phạm Thị Kim N. Năm 1949, cụ Ng ly hôn với cụ Nguyễn Thị A1 (theo Bản án số 56 ngày 01/4/1949 của Tòa án đệ nhị cấp Hà Nội). Sau khi cụ Ng và cụ A1 ly hôn, bà O và bà N ở với cụ Ng.

Năm 1950, cụ Ng kết hôn với cụ Trần Thị Q (sinh năm 1933, chết năm 2014). Cụ Ng và cụ Q có bốn con chung là ông Phạm Đỗ Nhật T, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Kim Th và ông Phạm Đỗ Nhật B. Khi cụ Ng kết hôn với cụ Q thì bà O và bà N được cụ Q chăm sóc và coi như con đẻ.

Sinh thời cụ Ng tạo dựng và là chủ sở hữu nhà đất tại số 12 phố HB, phường HB, quận HK, thành phố Hà Nội, có Bằng khoán điền thổ số No.503 ngày 21/10/1957, diện tích 82m^2 đứng tên chủ sử dụng là cụ Phạm Đỗ Ng và cụ Trần Thị Q. Cụ Ng, cụ Q chết đều không để lại di chúc.

Năm 2005, ông B đã tự ý kê khai làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất 12 HB nhưng bị cụ Ng, cụ Q (khi đó còn sống) và ông Phạm Đỗ Nhật T, bà Phạm Kim N ngăn cản nên Phòng Tài nguyên và Môi trường quận HK đã dừng việc trao Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông B. Do đó, nguyên đơn đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu

nhà ở và quyền sử dụng đất ở số AD 611052 ngày 02/11/2005 do Ủy ban nhân dân quận HK, thành phố Hà Nội cấp cho ông Phạm Đỗ Nhật B và bà Nguyễn Thị Hồng H1. Các ông, bà gồm ông Phạm Đỗ Nhật T, bà Phạm Thị Kim O, bà Phạm Thị Kim N, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Kim Th đề nghị chia thừa kế nhà đất tại số 12 HB bằng hiện vật cho các thừa kế theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án chia cho các nguyên đơn chung vào một khối để làm nơi thờ cúng sau này.

Bị đơn là ông Phạm Đỗ Nhật B (ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B1) trình bày:

Ông B thừa nhận về quan hệ huyết thống trong gia đình như ông Phạm Đỗ Nhật T đã trình bày.

Nhà đất số 12 phố HB, phường HB, quận HK, thành phố Hà Nội là của cụ Phạm Đỗ Ng và cụ Trần Thị Q. Năm 2005, hai cụ đã làm giấy tặng cho vợ chồng ông B nhà đất tại số 12 phố HB. Khi làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số 12 HB thì xảy ra tranh chấp trong nội bộ gia đình và các anh chị em có đơn khiếu kiện, nên Ủy ban nhân dân quận HK, thành phố Hà Nội đã tạm dừng trao Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số 12 HB cho gia đình ông B.

Ông B đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, vì nhà đất tại số 12 HB cụ Ng, cụ Q đã cho ông B, đã làm thủ tục tặng cho, có xác nhận của chính quyền địa phương. Mặt khác, các anh, chị của ông B đều đã được hai cụ cho nhà, tiền vàng từ trước đó.

Ngày 25/5/2016, ông Phạm Đỗ Nhật B có yêu cầu phản tố: Đề nghị chia thừa kế khối tài sản là nhà đất tại số 7 ngõ 19 đường LG, quận BĐ, thành phố Hà Nội. Nhà này do cụ Trần Thị Q mua của ông Phạm Đức V vào năm 1994. Ông B đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BK 715764 do Ủy ban nhân dân quận BĐ, thành phố Hà Nội cấp ngày 18/6/2012 mang tên bà Phạm Thị Kim N.

Bà Phạm Thị Kim N trình bày về yêu cầu phản tố của ông Phạm Đỗ Nhật B như sau:

Bà thừa nhận cụ Q có mua nhà đất của ông V, nhà đất này bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số BK 715764 vào năm 2012. Tuy trước đây tại Tòa án nhân dân quận HK thì các bên đã thống nhất ngoài nhà 12 HB cụ Ng, cụ Q không còn tài sản nào khác. Tiền mua ngôi nhà này là do cụ Q vay tiền Ngân hàng để mua. Khi cụ Q và cụ Ng mua nhà số 7 ngõ 19 đường LG thì cụ Ng, cụ Q không có tiền, tiền mua nhà là do thế chấp nhà số 12 phố HB vay Ngân hàng. Đến hạn trả Ngân hàng nhưng do cụ Q và cụ Ng không có tiền để thanh toán nợ gốc và lãi nên Ngân hàng đã có thông báo phát mại nhà số 12 phố HB để thu hồi nợ. Sau khi cân đối tiền bà đồng ý mua lại nhà số 7 ngõ 19 đường LG, nên cụ Q có trao đổi với ông V về việc hủy Hợp đồng mua bán nhà giữa cụ Q và ông V. Ông V cũng nhất trí chuyển Hợp đồng mua nhà số 7 ngõ 19 đường LG sang cho bà là người mua nhà. Năm 2001, ông

V được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 7 ngõ 19 đường LG, ông V đã đưa bản chính Giấy chứng nhận cho bà giữ. Khi làm thủ tục sang tên người mua tại Văn phòng công chứng thì bà là người đứng tên mua lần đầu. Nên bà xác định nhà đất số 7 ngõ 19 đường LG, quận BĐ, thành phố Hà Nội là tài sản riêng của bà.

Tại Văn bản số 361/TN-MT ngày 18/10/2016 Phòng Tài nguyên và Môi trường quận HK có ý kiến như sau:

Nhà đất tại số 12 phố HB, phường HB là nhà tư nhân thuộc sở hữu của cụ Phạm Đỗ Ng và vợ là cụ Trần Thị Q theo sổ điền thổ số N.503. Ngày 16/6/2005 cụ Ng, cụ Q đã cho con trai là Phạm Đỗ Nhật B, bản khai cho quyền sở hữu nhà, công trình và quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân phường HB xác nhận. Hội đồng xét duyệt phường HB đã họp và nhất trí chuyển hồ sơ kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ 12 phố HB cho ông Phạm Đỗ Nhật B và vợ là bà Nguyễn Thị Hồng H1 đến Ủy ban nhân dân quận HK.

Căn cứ hồ sơ kê khai xin cấp Giấy chứng nhận do Hội đồng xét duyệt phường HB chuyển đến; căn cứ Quyết định 23/2005/QĐ-UBND ngày 18/02/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành về quy định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở trên địa bàn thành phố Hà Nội, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã trình Ủy ban nhân dân quận HK cấp Giấy chứng nhận cho ông B, bà H1 nhà đất số 12 HB. Ngày 02/11/2005, Ủy ban nhân dân quận HK cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 611502 nhà đất số 12 HB cho ông B, bà H1 theo đúng quy trình của Quyết định 23/2005/QĐ-UBND ngày 18/02/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành về quy định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Sau khi nhận được đơn đề nghị của cụ Phạm Đỗ Ng và ý kiến của Ủy ban nhân dân phường HB tại Văn bản số 178/CV-UB ngày 05/5/2006 về việc đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường quận ngừng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho ông Phạm Đỗ Nhật B và vợ là bà Nguyễn Thị Hồng H1. Ngày 22/9/2006, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 433/TN&MT gửi Ủy ban nhân dân phường HB với nội dung: "...Giấy chứng nhận số AD 611052 do Ủy ban nhân dân quận HK cấp ngày 02/11/2005 cho ông Phạm Đỗ Nhật B và vợ là bà Nguyễn Thị Hồng H1 là đúng quy trình, quy định và thủ tục hiện hành. Sau khi nhận được đơn đề nghị và ý kiến của Ủy ban nhân dân phường HB, Phòng đã lưu giữ chưa trao Giấy chứng nhận trên cho ông B, bà H1. Đề nghị Ủy ban nhân dân phường HB hướng dẫn gia đình cụ Ng thống nhất người đứng tên trong Giấy chứng nhận, làm thủ tục kê khai cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân phường HB xem xét, thông báo công khai việc cấp lại Giấy chứng nhận cho gia đình cụ Ng tại số 12 HB đồng thời đề xuất hủy bỏ Giấy chứng nhận đã cấp cho ông B, bà H1...".

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2016/DS-ST ngày 29/11/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của các đồng nguyên đơn gồm: Ông Phạm Đỗ Nhật T, bà Phạm Thị Kim O, bà Phạm Thị Kim N, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Kim Th đối với ông Phạm Đỗ Nhật B tại số 12 HB, phường HB, quận HK, thành phố Hà Nội.

a. Xác định thời điểm mở thừa kế:

- Cụ Phạm Đỗ Ng chết năm 2010, thời điểm mở thừa kế là năm 2010. Cụ Trần Thị Q chết năm 2014, thời điểm mở thừa kế là năm 2014.

b. Chia thừa kế cụ thể như sau:

- Xác định di sản thừa kế của cụ Phạm Đỗ Ng, cụ Trần Thị Q để lại là toàn bộ diện tích nhà đất tại số 12 HB, phường HB, quận HK, thành phố Hà Nội có tổng trị giá là 20.864.994.617 đồng.

- Trích công sức cho ông Phạm Đỗ Nhật B có trị giá bằng 4.064.994.617 đồng, di sản còn lại để chia là 16.800.000.000 đồng.

- Chia tài sản chung vợ chồng cụ Phạm Đỗ Ng, cụ Trần Thị Q mỗi người để lại di sản trị giá là 8.400.000.000 đồng;

- Cụ Phạm Đỗ Ng chết năm 2010, thời điểm mở thừa kế là năm 2010. Người hưởng di sản thừa kế của cụ Phạm Đỗ Ng, gồm: Cụ Q, bà O, bà N, ông T, bà H, bà Th và ông B. Mỗi kỷ phần được chia có trị giá 8.400.000.000 đồng: 7 = 1.200.000.000 đồng;

- Cụ Trần Thị Q chết năm 2014, thời điểm mở thừa kế là năm 2014. Di sản của cụ Q có trị giá 8.400.000.000 đồng + 1.200.000.000 đồng = 9.600.000.000 đồng. Người hưởng di sản thừa kế của cụ Trần Thị Q, gồm: Ông T, bà H, bà Th và ông B. Mỗi kỷ phần được chia có trị giá 9.600.000.000đồng: 4 = 2.400.000.000 đồng.

- Tổng trị giá tài sản ông Phạm Đỗ Nhật B được chia (bao gồm cả công sức) có trị giá là 4.064.994.617 đồng + 1.200.000.000 đồng + 2.400.000.000 đồng = 7.664.994.617 đồng;

- Trị giá tài sản bà Phạm Thị Kim O, bà Phạm Thị Kim N mỗi bà được sở hữu tài sản trị giá 1.200.000.000 đồng và trị giá tài sản ông Phạm Đỗ Nhật T, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Kim Th mỗi người được sở hữu tài sản trị giá 3.600.000.000 đồng.

- Thanh toán chênh lệch di sản được chia: Ông Phạm Đỗ Nhật B còn có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng nguyên đơn tổng số tiền 3.878.964.722 đồng.

b. Căn cứ vào giá trị, chia bằng hiện vật (theo số đo thực tế) cho các đương sự tại số 12 HB, phường HB, quận HK, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

- Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng nguyên đơn, chia chung cho các đồng nguyên đơn các diện tích cụ thể như sau:

+ Diện tích tại tầng 1 là 24,19m^2 có giá trị sử dụng đất là 4.571.910.000 đồng. Vị trí này bị giới hạn bởi các điểm 6, 5, 2a, 1a, 6.

+ Toàn bộ diện tích tầng 2 giáp phố HB (bao gồm cả diện tích lối đi vào phía trong 0,7m x 13,23m = 9,26m^2) có diện tích 33,34m^2 có giá trị sử dụng đất là 2.700.540.000 đồng. Vị trí này bị giới hạn bởi các điểm 6, 5, 2, 1, 6.

+ Giá trị xây dựng của toàn bộ diện tích được chia là 198.374.946 đồng.

** Tổng giá trị sử dụng đất và giá trị xây dựng chia cho các đồng nguyên đơn có trị giá là 7.470.824.946 đồng.*

- Chia cho ông Phạm Đỗ Nhật B toàn bộ diện tích còn lại có tổng giá trị sử dụng đất và giá trị xây dựng là 13.394.069.671 đồng.

- Các đồng nguyên đơn có quyền xây bức tường ngăn diện tích đất được chia với các diện tích khác. Vị trí bức tường ngăn nằm tại phần nhà đất các đồng nguyên đơn được chia.

- Các bên có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên sở hữu nhà đất được chia theo quyết định của bản án.

c. Thanh toán chênh lệch di sản được chia: Ông Phạm Đỗ Nhật B có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng nguyên đơn tổng số tiền là 3.878.964.722 đồng.

Trong khối tài sản chung chia cho các đồng nguyên đơn được hưởng (bao gồm cả hiện vật và số tiền được thanh toán chênh lệch) mỗi người được hưởng theo tỷ lệ: Bà Phạm Thị Kim O, bà Phạm Thị Kim N (chiếm 9,09%) và ông Phạm Đỗ Nhật T, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Kim Th (chiếm 27,3%) trong khối di sản chung được chia.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà số AD611052 do UBND quận HK cấp ngày 02/11/2005 cho ông Phạm Đỗ Nhật B, bà Nguyễn Thị Hồng H1 tại số 12 phố HB, phường HB, quận HK, thành phố Hà Nội.

3. Bác yêu cầu phản tố của ông Phạm Đỗ Nhật B yêu cầu chia thừa kế nhà đất tại số 7 ngõ 19 đường LG, phường LG, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Giữ nguyên hiệu lực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà số BK715764 do UBND quận BĐ cấp ngày 18/6/2012 cho bà Phạm Thi Kim N tại số 7 ngõ 19 đường LG, phường LG, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

4. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/12/2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có Quyết định số 01/QĐKNPT-DS kháng nghị Bản án sơ thẩm với nội dung: Chỉ nên trích công sức cho ông B khoảng 2 tỷ đồng; bà O, bà N cũng được hưởng thừa kế của cụ Q; chia hiện vật không hợp lý.

Ngày 08/12/2016 và ngày 02/12/2016, các nguyên đơn là ông Phạm Đỗ Nhật T, bà Phạm Thị Kim O, bà Phạm Thị Kim N, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Kim Th có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Ngày 05/12/2016, bị đơn là ông Phạm Đỗ Nhật B có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 341/2017/DS-PT ngày 28/11/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, các kháng cáo của các nguyên đơn: Ông Phạm Đỗ Nhật T, bà Phạm Thị Kim O, bà Phạm Thị Kim N, bà Phạm Thị

Kim H, bà Phạm Thị Kim Th (do ông Phạm Đỗ Nhật T là đại diện được ủy quyền).

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-DS ngày 14/12/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Chấp nhận kháng cáo và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn - ông Phạm Đỗ Nhật B, sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2016/DS-ST ngày 19/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Cụ thể như sau:

1. Giữ nguyên hiệu lực Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số AD 611052 do Ủy ban nhân dân quận HK, thành phố Hà Nội cấp ngày 02/11/2005 cho ông Phạm Đỗ Nhật B và vợ là bà Nguyễn Thị Hồng H1 tại số 12 phố HB, phường HB, quận HK, thành phố Hà Nội.

Ông Phạm Đỗ Nhật B và vợ là bà Nguyễn Thị Hồng H1 có trách nhiệm đến Ủy ban nhân dân quận HK, thành phố Hà Nội để nhận Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số AD 611052 ngày 02/11/2005.

2. Giữ nguyên hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 715764 do Ủy ban nhân dân quận BĐ, thành phố Hà Nội cấp ngày 18/6/2012 cho bà Phạm Thị Kim N tại số 7 ngõ 19 LG, phường LG, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Chia di sản thừa kế do cụ Phạm Đỗ Ng, cụ Trần Thị Q để lại tại số 7 ngõ 19 LG, phường LG, quận BĐ, thành phố Hà Nội thành 07 kỷ phần, trong đó bà Phạm Thị Kim N được hưởng 02 kỷ phần, ông Phạm Đỗ Nhật T, bà Phạm Thị Kim O, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Kim Th, ông Phạm Đỗ Nhật B, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần bằng giá trị.

Xác định 01 kỷ phần là: 18.989.296.500 đồng: 7 = 2.712.756.643 đồng.

Bà Phạm Thị Kim N được hưởng 02 kỷ phần là 5.425.513.286 đồng. Bà Phạm Thị Kim N được quản lý, sử dụng toàn bộ di sản tại số 7 ngõ 19 LG, phường LG, quận BĐ, thành phố Hà Nội. Bà N có trách nhiệm thanh toán cho những thừa kế nêu trên giá trị 01 kỷ phần cho mỗi người.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 02/02/2018, bà Phạm Thị Kim N có Đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 341/2017/DS-PT ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 32/2019/KN-DS ngày 18/6/2019, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 341/2017/DS-PT ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 341/2017/DS-PT ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2016/DS-ST ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với căn nhà 12 HB: Bằng khoán điền thổ số No.503 cấp ngày 21/10/1957 có nguồn gốc của cụ Phạm Đỗ Ng và vợ là cụ Trần Thị Q. Tuy ngày 16/6/2005, cụ Ng và cụ Q có ký tên vào Bản khai cho quyền sở hữu nhà, công trình và quyền sử dụng đất trong khuôn viên cho ông Phạm Đỗ Nhật B. Nhưng cơ quan có thẩm quyền chưa trao Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông B thì ngày 16/01/2006, Ủy ban nhân dân phường HB đã nhận được Đơn của cụ Ng đề nghị ngừng trao Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp cho ông B, bà H1 vì cho rằng bị lừa dối.

[2] Ngày 23/01/2006, Ủy ban nhân dân phường HB lập biên bản làm việc với gia đình cụ Phạm Đỗ Ng để giải quyết đơn của cụ Ng có nội dung: "*Việc ký vào bản khai cho quyền sở hữu nhà, công trình và quyền sử dụng đất trong khuôn viên của ông Phạm Đỗ Ng, bà Trần Thị Q trước sự chứng kiến của cán bộ Ủy ban nhân dân phường là đúng sự thật. Các thành viên trong gia đình ông Ng đề nghị tạm thời ngừng trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Đỗ Nhật B và vợ để gia đình có sự thống nhất thì sẽ trao giấy Bằng khoán điền thổ số N.503 cho ông B và rút đơn kiến nghị thì mới trả Giấy chứng nhận*", biên bản có chữ ký của cụ Phạm Đỗ Ng, cụ Trần Thị Q, ông Phạm Đỗ Nhật T, bà Phạm Thị Kim N. Ngày 05/5/2006, Ủy ban nhân dân phường HB đã có Công văn số 178/2006/CV-UB đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường quận HK ngừng việc trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà H1 vì có tranh chấp.

[3] Ngày 21/3/2006, cụ Phạm Đỗ Ng có Đơn tố cáo gửi đến Phòng Tài nguyên và Môi trường quận HK tố cáo ông Phạm Đỗ Nhật B lợi dụng lúc vợ chồng cụ sức khỏe yếu đã lừa dối các cụ để thực hiện việc sang tên toàn bộ nhà đất tại số 12 HB cho ông B. Ngày 18/4/2006, cụ Phạm Đỗ Ng tiếp tục có đơn gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội "đề nghị hủy sổ đỏ" mang tên ông B.

[4] Ngày 22/9/2006, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận HK có Công văn số 433/TN&MT với nội dung Phòng đã giữ lại Giấy chứng nhận nêu trên và đề nghị Ủy ban nhân dân phường HB xem xét, thông báo công khai việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho gia đình cụ Ng. Đồng thời, đề nghị Ủy ban nhân dân phường HB hướng dẫn gia đình cụ Ng thống nhất người đứng tên trong Giấy chứng nhận, làm thủ tục kê khai cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới; đề xuất hủy bỏ Giấy chứng nhận đã cấp cho ông B, bà H1. Ngày 16/01/2007, cụ Phạm Đỗ Ng có đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại số 12 HB mang tên cụ Ng cùng vợ là cụ Trần Thị Q.

[5] Như vậy, ý chí của cụ Ng là không tặng cho ông B, bà H1 nhà đất số 12 HB và tại thời điểm cụ Ng đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp cho ông B, bà H1 thì cơ quan có thẩm quyền chưa trao Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất cho ông B và bà H1.

[6] Nhà đất số 12 HB là tài sản chung của cụ Ng và cụ Q. Cụ Q đã cho ông B phần tài sản của cụ Q trong khối tài sản chung này, còn cụ Ng không cho, nên phần tài sản của cụ Ng trong khối tài sản chung là di sản thừa kế của cụ Ng theo quy định tại Điều 634 Bộ luật dân sự năm 2005: "Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác". Do đó, ½ nhà đất số 12 HB cụ Q đã tặng cho ông B, còn ½ nhà đất số 12 HB là di sản của cụ Ng được chia cho các thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn đối với toàn bộ nhà đất số 12 HB là không đúng, vì cụ Trần Thị Q không thay đổi ý chí sau khi đã ký tên vào Bản khai cho quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất trong khuôn viên cho ông B. Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn cũng là không đúng.

[7] Đối với nhà số 7 ngõ 19 LG: Bà Phạm Thị Kim N khai khi cụ Q và cụ Ng mua căn nhà này (năm 1994) do không có tiền nên cụ thế chấp căn nhà số 12 HB cho Ngân hàng CT Việt Nam - Chi nhánh HK để vay tiền trả cho ông V (người bán nhà). Sau đó, cụ Q và cụ Ng không có tiền trả Ngân hàng, nên bà Ngân đã trả tiền cho Ngân hàng để giải chấp nhà số 12 HB và nhận căn nhà số 7 ngõ 19 LG. Trong suốt quá trình chuyển nhượng nhà đất giữa gia đình ông V với cụ Ng, cụ Q và sau chuyển sang tên bà N, cụ Q thường xuyên ở nhà bà N, nhưng cũng không phản đối, khiếu nại về việc ông, bà có quyền sở hữu nhà đất này. Ngày 27/3/2012, ông V và bà N đã ký Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất số 7 ngõ 19 đường LG tại Văn phòng công chứng TH và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK715764 do Ủy ban nhân dân quận BĐ cấp ngày 18/6/2012 mang tên bà Phạm Thị Kim N. Tại Biên bản đối chất ngày 23/12/2014, bà N khẳng định đã mua nhà riêng tại LG, ông B cũng không có ý kiến, đồng thời ông B còn trình bày: Bố mẹ không để lại tài sản nào khác ngoài nhà số 12 HB. Đến ngày 25/5/2016, ông B mới có yêu cầu phản tố đề nghị xác định nhà đất tại LG là di sản thừa kế.

[8] Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật dân sự năm 2005: "Việc chuyển quyền sở hữu đối với bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký quyền sở hữu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác" thì nhà đất số 7 ngõ 19 đường LG thuộc sở hữu của bà N, không phải sở hữu của cụ Ng và cụ Q, nên không thuộc di sản thừa kế của hai cụ để chia cho các người thừa kế.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, khoản 2 Điều 345 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 32/2019/KN-DS ngày 18/6/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 341/2017/DS-PT ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2016/DS-ST ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về vụ

án "*Tranh chấp di sản thừa kế*" giữa nguyên đơn là ông Phạm Đỗ Nhật T, bà Phạm Thị Kim O, bà Phạm Thị Kim N, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Kim Th với bị đơn là ông Phạm Đỗ Nhật B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC - Vụ 9 VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Vụ GĐKT II TANDTC (2 bản), Vụ PC&QLKH, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN

(*đã ký*)

Nguyễn Hòa Bình